

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn phường

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030; Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030; Văn bản số 8713/BNNMT-VPĐP ngày 04/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc xây dựng Kế hoạch và tổ chức rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026; Thực hiện Kế hoạch số 551/KH-UBND ngày 10/8/2026 của UBND tỉnh về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân phường Hà Huy Tập ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn phường như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo bền vững năm 2026 (chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025).

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030 làm cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội trên địa bàn phường năm 2027 và giai đoạn 2027-2030; phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (<https://csdlhn.mae.gov.vn>).

2. Yêu cầu

- Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phải thực hiện đúng quy định, chặt chẽ từ tổ dân phố và có sự tham gia giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ngành, cộng đồng dân cư; kết quả rà soát phải đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, khách quan, chính xác.

- Tổ trưởng tổ dân phố chịu trách nhiệm toàn diện về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của tổ dân phố mình. Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND phường về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn phường theo các chỉ tiêu quy định.

II. PHẠM VI, THỜI GIAN RÀ SOÁT

1. Phạm vi rà soát: trên địa bàn toàn phường .

2. Thời gian rà soát

- Thời gian rà soát định kỳ hằng năm: từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm thực hiện rà soát.

- Thời gian rà soát trong năm: từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 8 hằng năm, trừ trường hợp đột xuất.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

1.1. Đối tượng rà soát: hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân phường đang quản lý tại thời điểm rà soát.

1.2. Phương pháp rà soát: thực hiện theo khoản 1 Điều 2 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

1.3. Quy trình rà soát: thực hiện theo Điều 4 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030

2.1. Đối tượng rà soát

a) Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn phường tại thời điểm rà soát.

- Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn phường tại thời điểm rà soát.

2.2. Phương pháp rà soát

- Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 là phương pháp xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo các tổ dân phố qua chấm điểm tài sản, điều kiện sống, thông tin thành viên của hộ gia đình (sau đây gọi là điểm D) để ước lượng mức thu nhập bình quân đầu người và đo mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình.

- Điểm D được xác định từ Phiếu B1 tại Mẫu số 2.2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT; được quy đổi sang mức thu nhập bình quân đầu người như sau: 190 điểm khu vực nông thôn tương đương 2.200.000 đồng/người/tháng và 280 điểm, **khu vực đô thị tương đương 2.800.000 đồng/người/tháng.**

- Số thiếu hụt TH là tổng chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình, được xác định từ Phiếu B2 tại Mẫu số 2.3 và Mục III Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT.

- Trên cơ sở kết quả rà soát, tính điểm Đ từ Phiếu B1 và số thiếu hụt THU từ Phiếu B2, thực hiện phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo như sau:

+ Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt THU từ 03 chỉ số trở lên.

+ Hộ nghèo khu vực đô thị là hộ có điểm Đ từ 280 điểm trở xuống và có số thiếu hụt THU từ 03 chỉ số trở lên.

+ Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số.

+ Hộ cận nghèo khu vực đô thị là hộ có điểm Đ từ 280 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số.

+ Hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn hoặc trên 280 điểm ở khu vực đô thị được xác định không thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo.

+ Hộ thoát nghèo là hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn hoặc trên 280 điểm ở khu vực đô thị, trước thời điểm rà soát thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn phường .

2.3. Quy trình rà soát

a) Quy trình rà soát định kỳ hằng năm:

Bước 1: Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị được giao thực hiện công tác giảm nghèo thuộc Ủy ban nhân dân phường chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan lập danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT, bao gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn phường tại thời điểm rà soát.

+ Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường qua Trung tâm Phục vụ hành chính công phường (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện), đã qua rà soát theo Phiếu A Mẫu số 2.1 Phụ lục II và Mục II Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT mà không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09.

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn phường tại thời điểm rà soát.

Bước 2: Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

- Người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu B1 Mẫu số 2.2, Phiếu B2 Mẫu số 2.3, Phiếu C Mẫu số 2.4, Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT để rà soát, phân loại hộ gia đình theo Danh sách hộ gia đình cần rà soát.

- Trên cơ sở kết quả rà soát, tính điểm Đ từ Phiếu B1 và số thiếu hụt THU từ Phiếu B2, thực hiện phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo.

- Lập danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT đối với hộ gia đình đủ điều kiện sau phân loại.

Bước 3: Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại theo danh sách lập theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT.

- Thành phần cuộc họp: Trưởng tổ dân phố (chủ trì); đại diện Ủy ban nhân dân phường, người thực hiện rà soát; đại diện một số hộ gia đình theo kết quả phân loại hộ gia đình; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, một số hộ gia đình cư trú trên địa bàn tổ dân phố.

- Nội dung cuộc họp: lấy ý kiến về kết quả rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo.

Trường hợp có ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường để chỉ đạo việc niêm yết, thông báo công khai theo quy định tại Bước 4.

Trường hợp có dưới 50% tổng số người tham dự cuộc họp đồng ý hộ gia đình thuộc Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, người chủ trì cuộc họp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường để chỉ đạo rà soát lại.

- Kết quả cuộc họp gồm: Danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo tổ dân phố từ số 25/2026/TT-BTNMT; 02 biên bản có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp, người thực hiện rà soát, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc phường và đại diện của một số hộ dân theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT; 01 biên bản gửi Ủy ban nhân dân phường, 01 biên bản Trưởng tổ dân phố lưu.

Bước 4: Niêm yết, thông báo công khai

- Niêm yết, thông báo công khai danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, nhà Văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố, Cổng thông tin điện tử phường và qua Đài

truyền thanh phường, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày niêm yết, thông báo.

- Trong thời hạn niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có ý kiến không đồng ý với danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo xử lý và công khai kết quả tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường và tại tổ dân phố.

- Hết thời hạn niêm yết, thông báo công khai, phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị được giao thực hiện công tác giảm nghèo tổng hợp danh sách dự kiến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo sau khi rà soát theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định công nhận kết quả rà soát.

Bước 5: Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT bảo đảm quy định về thời gian rà soát; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT trước ngày 31/12/2026. Trường hợp không đủ điều kiện công nhận theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Quyết định công nhận kèm theo Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân phường, niêm yết, thông báo công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường và tại tổ dân phố.

b) Quy trình rà soát trong năm: thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT.

3. Chế độ báo cáo và biểu mẫu tổng hợp

3.1. Chế độ báo cáo kết quả rà soát trong năm

- Trường hợp có hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo phát sinh khi rà soát trong năm: trước ngày 05 hàng tháng. Ủy ban nhân dân phường tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường kết quả rà soát.

- Trường hợp đột xuất theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT thì báo cáo theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

3.2. Chế độ báo cáo kết quả rà soát định kỳ hằng năm

- Tổ dân phố tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2027-2030, tổng hợp kết quả theo các biểu mẫu quy định gửi về UBND phường **trước 15/10/2026**.

- Ủy ban nhân dân phường tổ chức rà soát, tổng hợp kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2027-2030, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước 30/10/2026**.

- Tổng hợp báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và giai đoạn 2027-2030, gồm: kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và đánh giá kết quả giảm nghèo so với kết quả cùng kỳ năm trước gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước 10/11/2026**. Cập nhật kết quả rà soát lên hệ thống <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

3.3. Mẫu, biểu tổng hợp

- Mẫu, biểu tổng hợp, báo cáo sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm và rà soát trong năm theo Mẫu số 3.1 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT.

- Mẫu, biểu tổng hợp, báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo các Mẫu số từ 3.1 đến 3.10 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BTNMT.

4. Kinh phí thực hiện

4.1. Rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025:

- Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 (bao gồm cả vốn của năm 2021, năm 2022, năm 2023, năm 2024 đã được chuyển nguồn sang năm 2025) của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo quy định điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035 để thực hiện năm 2026.

4.2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2027-2030

a) ***Kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo ở địa phương thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương*** theo quy định khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 (quy định: “*Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo*”), quy định Điều 8 tổ dân phố tự số 25/2026/TT-BTNMT (quy định: “*Kinh phí thực hiện rà soát, công nhận hộ*

nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Thông tư này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”).

Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) ***Các nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước của Chương trình*** theo quy định khoản 2 Điều 39 tổ dân phố tư số 23/2026/TT-BTNMT ngày 23/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phường .

- Chỉ đạo, đôn đốc các thành viên được phân công phụ trách địa bàn tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đúng quy trình và thời gian quy định.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các tổ dân phố; trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của tổ dân phố hoặc có đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh thì báo cáo, đề xuất Ban chỉ đạo phường để kịp thời xử lý.

- Tham gia thẩm định kết quả rà soát của các thành viên được phân công phụ trách chỉ đạo và thực hiện công tác báo cáo theo quy định; chịu trách nhiệm về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại địa bàn tổ dân phố được phân công phụ trách.

2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

- Tham mưu UBND phường ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, trên địa bàn phường năm 2026.

- Tham mưu thành lập Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc, Tổ điều tra của Ban chỉ đạo phường; tổ chức tập huấn, hướng dẫn đội ngũ rà soát viên về nghiệp vụ rà soát, thống kê tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tham mưu Quyết định điều động cán bộ công chức làm rà soát viên để thực hiện kịp thời việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn phường theo đúng quy định.

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban chỉ đạo rà soát phường đối với các tổ dân phố về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- In ấn, cấp phát tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ có mức sống trung bình và người lao động có thu nhập thấp; hệ thống biểu mẫu, phiếu phục vụ công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Trên cơ sở nguồn kinh phí giao thực hiện Tiểu dự án 2 của Dự án 7 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, căn cứ các quy định hiện hành tham mưu nội dung, định mức chi hỗ trợ công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026.

- Thẩm tra, tổng hợp và tham mưu UBND phường cho ý kiến về tính chính xác báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của UBND phường; tổng hợp, phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường).

- Tham mưu Ủy ban nhân dân phường cân đối, bố trí ngân sách bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Phối hợp các phòng, ban, đơn vị liên quan cung cấp số liệu tổng số hộ dân cư trên địa bàn tổ dân phố để làm căn cứ tính toán tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo khách quan, công bằng, chính xác, đúng quy định.

3. Phòng Văn hoá – Xã hội, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, quy trình thực hiện việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trên địa bàn phường .

4. Đề nghị UBNDTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội

- Tổ chức tuyên truyền và tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện Kế hoạch này.

- Phối hợp với công chức chuyên môn, rà soát viên, Tổ trưởng TDP rà soát đúng đối tượng, đúng thực trạng đời sống của từng hộ gia đình để lập danh sách chính sách về hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo thời gian quy định.

5. Các tổ dân phố trên địa bàn phường

- Xác định, rà soát, tổng hợp danh sách hộ có khả năng thoát nghèo, thoát cận nghèo và hộ có khả năng rơi xuống nghèo, cận nghèo năm 2026 để phục vụ điều tra trên địa bàn theo mẫu phiếu quy định.

- Phối hợp với thành viên của Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc phường được phân công phụ trách địa bàn điều tra rà soát đến từng hộ gia đình.

- Tổ chức họp tổ dân phố thông qua kết quả điều tra, rà soát các hộ có khả năng thoát nghèo, thoát cận nghèo và hộ có nguy cơ rơi vào hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả sơ bộ/chính thức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, giai đoạn 2027-2030 gửi về UBND phường đúng thời gian quy định.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Ban chỉ đạo phường để được hướng dẫn, hỗ trợ giải đáp những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 trên địa bàn phường Hà Huy Tập. Ủy ban nhân dân phường yêu cầu Ban chỉ đạo, các phòng, ngành, tổ chức đoàn thể, các tổ dân phố nghiêm túc tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường (qua phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị) để được xem xét, giải quyết theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- TTr: Đảng ủy, HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- UBMTTQ Việt Nam phường;
- Các phòng, ngành, đoàn thể phường;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường;
- Các tổ dân phố trên địa bàn phường;
- Lưu: VT, KT, HT&ĐT.

102

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Nhật Linh